

## ẢNH HƯỞNG CỦA VIỆC THU HỒI ĐẤT ĐỂ XÂY DỰNG KHU DU LỊCH SINH THÁI ĐẾN SINH KẾ CỦA CÁC HỘ SẢN XUẤT NÔNG - NGƯ NGHIỆP VEN BIỂN: TRƯỜNG HỢP NGHIÊN CỨU TẠI XÃ HẢI NINH, HUYỆN QUẢNG NINH, TỈNH QUẢNG BÌNH

Phan Thúc Định<sup>1</sup>, Nguyễn Quang Tân<sup>2</sup>

<sup>1</sup>Học viên cao học, trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế;

<sup>2</sup>Học viên cao học, Đại học Okayama, Nhật Bản

Liên hệ email: [quangtankn43@gmail.com](mailto:quangtankn43@gmail.com)

### TÓM TẮT

Trong những năm gần đây, việc Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp phục vụ cho phát triển du lịch đã tác động rất lớn tới đời sống của người dân. Nhằm tìm hiểu quá trình thu hồi đất, từ đó phân tích sự thay đổi sinh kế sau thu hồi đất và đề xuất một số giải pháp nhằm đảm bảo sinh kế cho người dân địa phương xã Hải Ninh, nghiên cứu đã tiến hành điều tra 60 hộ gia đình bằng phương pháp đánh giá nhanh nông thôn có sự tham gia (PRA). Kết quả chỉ ra rằng số hộ bị thu hồi đất chiếm 9,1% tổng số hộ toàn xã, bình quân diện tích đất nông lâm nghiệp giảm 56% mỗi hộ. Sau khi thu hồi đất, sinh kế của hộ có sự dịch chuyển theo hướng giảm thu nhập và lao động ở nhóm nông nghiệp, tăng tỷ trọng trong các ngành phi nông nghiệp. Đồng thời, nguồn vốn tự nhiên (đất đai) đã chuyển thành nguồn vốn tài chính, sau đó, lại chuyển từ nguồn vốn tài chính sang nguồn vốn vật chất. Kết quả cũng cho thấy thu nhập bình quân tăng, đạt gần 40 triệu/lao động/năm, gấp 3 lần so với trước khi thu hồi. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy cần phải có các giải pháp cụ thể và rõ ràng cho từng nhóm đối tượng về chuyển đổi việc làm và sử dụng hiệu quả nguồn vốn đền bù để phát triển sinh kế bền vững.

**Từ khóa:** Phát triển du lịch, sinh kế, thu hồi đất, thu nhập, việc làm

*Nhận bài:* 20/04/2018

*Hoàn thành phản biện:* 20/05/2018

*Chấp nhận bài:* 30/05/2018

### 1. MỞ ĐẦU

Trong nông nghiệp, đất đai đóng vai trò vô cùng quan trọng, bản thân đất đai phát sinh như một tư liệu sản xuất. Đối với sinh vật, đất là nguồn cung cấp chất dinh dưỡng cho cây trồng, trồng trọt phát triển thì chăn nuôi cũng phát triển. Quá trình lao động và sản xuất ra sản phẩm có quan hệ mật thiết với những đặc tính của đất, do chất lượng đất quyết định (Lê Thanh Bồn, 2009).

Việt Nam là một nước nông nghiệp với trên 70% dân số sống ở nông thôn và làm nông nghiệp. Mục tiêu của nước ta trong những năm trở lại đây là trở thành một nước có nền công nghiệp theo hướng hiện đại và con đường duy nhất là phải đẩy nhanh sự nghiệp công nghiệp hóa hiện đại hóa đất nước (Đỗ Mai Thành, 2011). Cùng với đó, tốc độ công nghiệp hóa hiện đại hóa càng nhanh thì trình độ đô thị hóa càng cao. Đi liền với quá trình đô thị hóa là việc thu hồi đất nông nghiệp, lâm nghiệp để chuyển đổi sang đất phi nông nghiệp. Theo thống kê của hội Nông dân Việt Nam (được trích dẫn bởi Nguyễn Hữu Tiến, 2007), mỗi năm nước ta có khoảng 200.000 ha đất nông nghiệp, lâm nghiệp bị chuyển đổi mục đích sử dụng, tương ứng với mỗi hộ có khoảng 1,5 lao động mất việc làm. Sau khi thu hồi đất nông nghiệp, ảnh hưởng của nó không chỉ làm mất đi tài sản sinh kế đặc biệt quan trọng của hộ nông dân

như đất đai, kỹ năng nông nghiệp, nguồn thực phẩm, thu nhập, mà còn tác động tới môi trường và sức khỏe con người.

Cùng với xu thế phát triển chung của cả nước, việc thu hồi và đền bù đất đai đang là một trong những vấn đề nghiêm trọng ở tỉnh Quảng Bình. Kể từ khi Luật Đất đai năm 2013 có hiệu lực thi hành, toàn tỉnh đã thu hồi 8.585,48 ha đất nông lâm nghiệp. Hiện nay, công tác thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ tái định cư là công việc phức tạp, ảnh hưởng nhiều đến đời sống, sinh hoạt của người dân, thường xuyên phát sinh khiếu kiện, nhất là đối với các dự án lớn (UBND tỉnh Quảng Bình, 2017). Tiến trình đô thị hóa cũng đang diễn ra nhanh chóng ở xã Hải Ninh, huyện Quảng Ninh. Do có vị trí địa lý thuận lợi, là xã duy nhất của huyện giáp biển, với đường bờ biển dài và cảnh quan đẹp tạo nhiều điều kiện để phát triển hạ tầng kinh tế và thu hút đầu tư, đặc biệt là dự án trọng điểm xây dựng Khu du lịch cao cấp FLC đang triển khai. Việc thu hồi, đền bù đất và giải phóng mặt bằng đang là đề tài nóng mà người nông dân bàn luận nhiều nhất trong thời gian qua (UBND xã Hải Ninh, 2016).

Một điều đáng lưu ý là không phải bất cứ người nông dân nào sau khi bị thu hồi đất cũng có thể tìm kiếm được một hướng sinh kế mới có thu nhập cao, ổn định cuộc sống, mà tình trạng thiếu việc làm, thất nghiệp, không chuyển đổi được ngành nghề hoặc chuyển đổi khó khăn đang diễn ra phổ biến hiện nay. Trong những năm tới, tốc độ đô thị hóa sẽ còn diễn ra nhanh hơn nữa, do đó diện tích đất canh tác nông nghiệp sẽ ngày càng bị thu hẹp và vấn đề về giải quyết việc làm, tạo thu nhập cho những người nông dân có đất bị thu hồi ngày càng trở nên căng thẳng hơn. Vấn đề đặt ra là phản ứng của người dân trước tình trạng thu hồi đất ra sao; sinh kế của các hộ dân thay đổi như thế nào; liệu tiền đền bù có đảm bảo cho cuộc sống hiện tại của họ hay không; mức sống của họ thay đổi ra sao; làm sao để ổn định đời sống, đảm bảo an sinh xã hội cho người dân địa phương? Xuất phát từ thực tế đó, nghiên cứu đã được thực hiện.

## **2. NỘI DUNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU**

### **2.1. Nội dung nghiên cứu**

Đề tài sử dụng số liệu thống kê trong vòng 3 năm 2014, 2015, 2016 trên địa bàn nghiên cứu và tập trung làm rõ các nội dung chính bao gồm: Thứ nhất, mô tả tình hình sinh kế của hộ nông dân sau thu hồi đất sản xuất cho xây dựng khu du lịch sinh thái tại xã Hải Ninh; Tiếp theo, phân tích quá trình thay đổi sinh kế và các yếu tố ảnh hưởng tới sự thay đổi đó; Cuối cùng, đề tài xem xét các chiến lược thay đổi sinh kế nhằm thích nghi với cuộc sống sau khi bị mất đất của hộ.

### **2.2. Phương pháp nghiên cứu**

#### *2.2.1. Phương pháp chọn điểm nghiên cứu*

Nghiên cứu được thực hiện tại xã Hải Ninh, huyện Quảng Ninh, tỉnh Quảng Bình (Hình 1). Đây là xã có diện tích đất nông nghiệp lớn, sinh kế của người dân chủ yếu dựa vào đất đai, đồng thời là xã có nhiều dự án trọng điểm của tỉnh Quảng Bình trong tiến trình đô thị hoá. Hơn nữa, điểm nghiên cứu là một trong những xã có diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi lớn nhất của tỉnh, do đó, sinh kế của hộ dân nơi đây có sự thay đổi nhanh chóng.



**Hình 1.** Bản đồ vị trí vùng nghiên cứu

### 2.2.2. Phương pháp thu thập số liệu

- Số liệu thứ cấp: dữ liệu được chọn lọc và thu thập từ các nguồn dữ liệu sẵn có liên quan đến đề tài như báo cáo các cấp, các nghị định, nghị quyết của nhà nước, sách và tạp chí khoa học.

- Số liệu sơ cấp:

+ Phỏng vấn bán cấu trúc: đề tài lựa chọn 60 hộ dân là những hộ bị thu hồi đất nông nghiệp phục vụ cho xây dựng khu du lịch sinh thái để phỏng vấn. Chia các hộ điều tra thành 2 nhóm có diện tích đất nông nghiệp bị thu hồi khác nhau:

\* Nhóm I: có 30 hộ là các hộ có diện tích đất bị thu hồi lớn hơn 70% tổng diện tích đất canh tác được giao.

\* Nhóm II: 30 hộ còn lại là các hộ có diện tích đất bị thu hồi dưới 70% tổng diện tích đất canh tác được giao.

Bản phỏng vấn bán cấu trúc được thiết kế dựa trên bộ câu hỏi với 4 phần khác nhau, bao gồm; phần I là các thông tin chung liên quan tới hộ gia đình như thành phần gia đình, trình độ học vấn, sinh kế chính của hộ. Phần II nhằm thu thập về tình hình sử dụng đất nông nghiệp, tài sản của hộ trước và sau thu hồi đất. Phần III của phiếu được xây dựng để điều tra thông tin về thu nhập trước và sau thời điểm thu hồi đất, việc sử dụng nguồn vốn bồi thường, hỗ trợ của các hộ. Phần IV là ý kiến và đề xuất của hộ tới chính sách nhà nước và các vấn đề liên quan tới đền bù, thu hồi đất đai.

+ Quan sát và phỏng vấn sâu: nghiên cứu cũng đã sử dụng phương pháp phỏng vấn sâu người am hiểu và quan sát thực địa nhằm kiểm tra chéo và xác minh lại các thông tin thu thập được từ phỏng vấn hộ. Do đó, bộ dữ liệu được sử dụng trong nghiên cứu là chính xác và thực tế.

### 2.2.3. Phương pháp xử lý số liệu

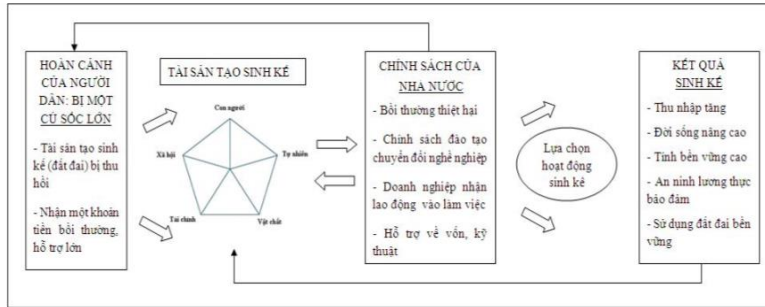
- Phương pháp thống kê mô tả: Sau khi thu thập số liệu, nghiên cứu tiến hành xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel cho các chỉ số về sự biến động, xu hướng phát triển như: thu nhập, chi tiêu, chi phí.

- Phương pháp so sánh: nhằm thấy rõ được sự khác biệt về sinh kế của hộ dân giữa các thời điểm hoặc giữa các nhóm hộ dân, phương pháp so sánh trước - sau và so sánh giữa các mục tiêu được nghiên cứu sử dụng.

### 2.2.4. Phương pháp luận của nghiên cứu

Theo Frank Ellis (2000), khái niệm sinh kế bao gồm: tài sản (tự nhiên, vật chất, con người, tài chính, nguồn vốn xã hội), các hoạt động và những hỗ trợ (qua các trung gian của các tổ chức và quan hệ xã hội) xác định lẫn nhau mang lại những lợi ích cá nhân hoặc hộ gia đình.

Như vậy, để tiếp cận sinh kế, trong nghiên cứu này, chúng tôi dựa vào lý thuyết về khung sinh kế bền vững (sustainable livelihoods framework), được phát triển bởi Bộ Phát triển Quốc tế Anh (DFID) để phân tích sự thay đổi khả năng tiếp cận các nguồn vốn tạo sinh kế, tác động của sự thay đổi này đến sinh kế của các hộ nông dân trên địa bàn nghiên cứu trong quá trình thu hồi đất nông nghiệp phục vụ đô thị hóa, xây dựng cơ sở hạ tầng và phát triển kinh tế (Huỳnh Văn Chương và Ngô Hữu Hoạch, 2010).



**Hình 2.** Khung sinh kế bền vững

(Nguồn: phỏng theo khung sinh kế bền vững của DFID, 1999)

### 3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

#### 3.1. Đặc điểm các hộ điều tra

Hải Ninh là xã vùng cát ven biển nằm ở phía Đông Nam của huyện Quảng Ninh, có bờ biển dài gần 19 km với tổng diện tích đất tự nhiên 3.916,46 ha, trong đó đất nông nghiệp chiếm 89%. Năm 2016, toàn xã có 90 hộ bị thu hồi đất, chiếm 9,1% tổng số hộ, với tổng diện tích đất bị thu hồi là 235,5 ha, chủ yếu là đất hạng A2.

**Bảng 1.** Một số thông tin cơ bản về nhóm hộ điều tra

Chỉ tiêu	Đơn vị tính (ĐVT)	Nhóm I	Nhóm II
Tổng số hộ điều tra	hộ	30	30
Tổng nhân khẩu	người	205	190
Tổng lao động		190	151
Nam	lao động	90	70
Nữ		100	81
Tổng nhân khẩu phụ thuộc	người	15	39
Tuổi bình quân	tuổi	58,7	54,1

(Nguồn: số liệu điều tra năm 2016)

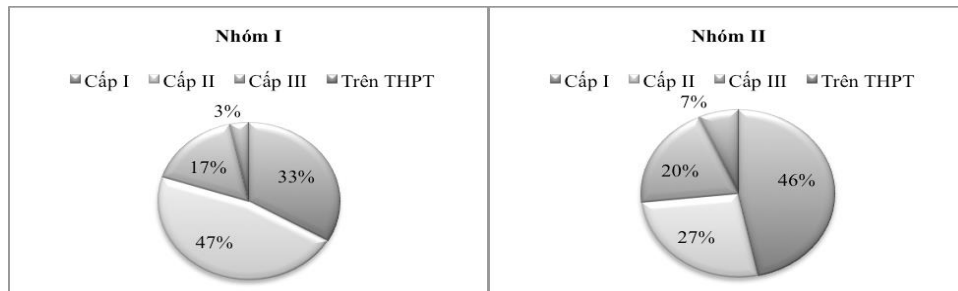
Kết quả cho thấy rằng, độ tuổi bình quân của chủ hộ tương đối cao, bình quân chung trên độ tuổi lao động (55 tuổi), trong đó tuổi bình quân của chủ hộ nhóm I là cao nhất 58,7 tuổi, nhóm II là 54,1 tuổi. Nhóm chủ hộ có độ tuổi cao lại bị mất đất, dẫn tới việc kiếm sống về lâu dài của họ khó khăn hơn. Tỷ lệ lao động nữ cũng cao hơn lao động nam, nhóm I lao động nữ chiếm 52,7% tổng lao động, nhóm II tỷ lệ lao động nữ chiếm 53,7% tổng lao động. Điều này có phần gây khó khăn cho việc tìm kiếm nguồn sinh kế mới sau khi bị thu hồi đất do sức khỏe của phụ nữ kém hơn nam giới, thông thường nam giới năng động hơn, dễ dàng thích nghi công việc hơn nữ giới.

#### 3.2. Sự thay đổi các nguồn vốn sinh kế của hộ trước và sau khi thu hồi đất nông lâm nghiệp

##### 3.2.1. Nguồn vốn con người

Cũng như đặc trưng chung của người nông dân Việt Nam, người nông dân nơi đây cần cù, chịu khó nhưng lại hạn chế về trình độ học vấn và trình độ chuyên môn. Trong số 60

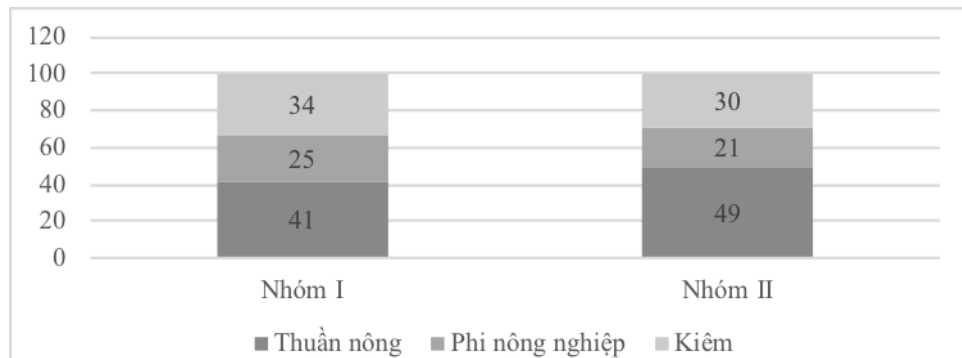
hộ điều tra, có tới 33% và 46% số hộ mới học tới cấp I ở lần lượt 2 nhóm điều tra (xem hình 3). Những chủ hộ tuổi cao thường chỉ học hết cấp II, 47% ở nhóm I và 27% ở nhóm II. Rất ít người có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông và đại học. Chính đối tượng này gặp nhiều khó khăn về sinh kế trong quá trình đô thị hóa, công nghiệp hóa, chuyển đổi đất đai và thu hồi đất.



**Hình 3.** Trình độ học vấn của chủ hộ

(Nguồn: số liệu điều tra năm 2016)

Khi thu hồi đất để thực hiện chuyển đổi đất đai, người dân được nhận một khoản tiền bồi thường, hỗ trợ để chuyển đổi nghề nghiệp, đây là cơ hội cho người dân phát triển nguồn vốn con người. Hệ thống trường học các cấp được xây dựng, người dân còn nguồn tiền bồi thường thiệt hại, hỗ trợ học nghề để chuyển đổi nghề nghiệp để đầu tư cho học tập.



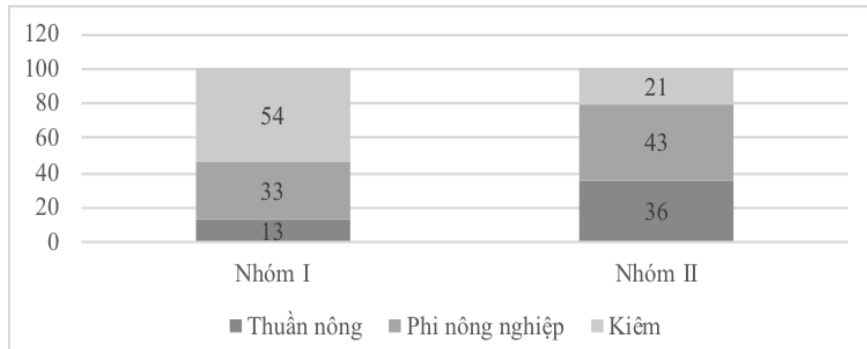
**Hình 4.** Cơ cấu lao động trước khi thu hồi đất của nhóm hộ điều tra (ĐVT: %)

(Nguồn: số liệu điều tra năm 2016)

Ghi chú: kiêm là lao động tham gia hoạt động vừa nông nghiệp vừa phi nông nghiệp

Nghiên cứu chỉ ra rằng: trước khi thu hồi đất, cơ cấu lao động ở cả 2 nhóm khá giống nhau, cụ thể là lao động thuần nông chiếm tỷ lệ cao nhất (41% ở nhóm I và 49% ở nhóm II), sau đó là lao động kiêm và ít nhất là nhóm lao động phi nông nghiệp (Hình 4). Tuy nhiên, sau khi thu hồi đất, cơ cấu lao động đã có sự chuyển biến mạnh mẽ, tỷ lệ lao động ở nhóm thuần nông giảm mạnh, nhất là đối với nhóm I (chỉ 13%), trong khi đó lao động làm kiêm nông nghiệp với ngành nghề khác và lao động phi nông nghiệp có xu hướng tăng mạnh. Nếu ở nhóm I trước khi thu hồi, lao động phi nông nghiệp chỉ chiếm 34%, thì sau khi thu hồi, tỷ lệ này đã tăng lên 54%. Tương tự đối với nhóm II, nếu trước khi thu hồi đất, 21% lao động làm kiêm, nhưng sau khi thu hồi, nó đã là 43% (Hình 5). Như vậy, có thể thấy rằng tác động của việc thu hồi đất là thực sự lớn đối với cơ cấu lao động, điều này cũng có thể giải thích được rằng, bởi vì diện tích đất bị thu hồi chủ yếu là đất phục vụ nông nghiệp nên

sau khi bị thu hồi, người nông dân không còn đất hoặc còn ít đất, thì lao động chuyển qua ngành nghề khác để tiếp tục duy trì thu nhập và cuộc sống.

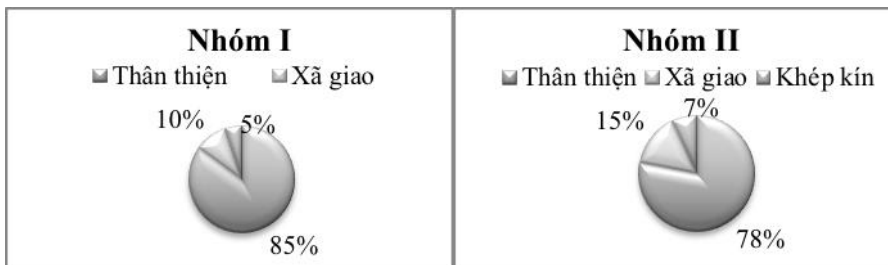


Hình 5. Cơ cấu lao động sau khi thu hồi đất của nhóm hộ điều tra (ĐVT: %)

(Nguồn: số liệu điều tra năm 2016)

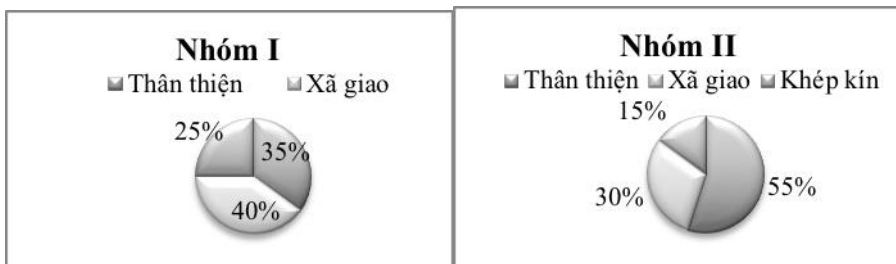
### 3.2.2. Nguồn vốn xã hội

Nghiên cứu nguồn lực xã hội để biết mối quan hệ của hộ với cộng đồng như thế nào. Theo kết quả điều tra, trước đây, ở 2 nhóm hộ, phần lớn mối quan hệ giữa các hộ với nhau đều thân thiết, hòa đồng với nhau. Mọi người đều cùng ra đồng làm việc với nhau, mối quan hệ trở nên thân thiết, gắn bó với nhau. Bình quân trên 80% hộ cho rằng mối quan hệ của họ với những người xung quanh là thân thiện với nhau, rất ít hộ khép kín hoặc chỉ là quan hệ xã giao (Hình 6).



Hình 6. Mối quan hệ làng xóm trước đây của các nhóm hộ điều tra.

(Nguồn: số liệu điều tra năm 2016)



Hình 7. Mối quan hệ làng xóm hiện tại của các nhóm hộ điều tra

(Nguồn: số liệu điều tra năm 2016)

Bằng phương pháp so sánh trước - sau, nghiên cứu chỉ ra rằng, hiện tại, mối quan hệ cộng đồng không còn được gắn kết như trước, cụ thể, chỉ 35% và 55% hộ cho rằng họ vẫn giữ mối quan hệ với bà con lối xóm ở mức thân thiết lần lượt ở nhóm I và II (xem hình 7). Tình làng nghĩa xóm “tối lửa tắt đèn” có nhau như trước đây đã ít đi, thay vào đó là mối

quan hệ lịch sử, giữ khoảng cách, thậm chí khép kín. Sự thay đổi này có thể do nhiều nguyên nhân khác nhau, trong đó có yếu tố đất bị thu hồi. Bởi lẽ, khi bị mất đất nông nghiệp, các hoạt động tương trợ lẫn nhau trong sản xuất như: đổi công hay hỗ trợ nhau trong thu hoạch cho kịp mùa vụ đã ít dần, thậm chí không còn được duy trì so với trước.

### 3.2.3. Nguồn vốn tự nhiên

Nói đến nguồn lực tự nhiên thì phải kể đến nguồn lực đất đai vì đây là tài sản sinh kế đặc biệt của các hộ nông dân sản xuất nông nghiệp. Đất đai trong nông hộ được xem xét dưới nhiều khía cạnh như: quy mô đất đai, sự biến động của từng loại đất, nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp.

**Bảng 2.** Diện tích đất nông nghiệp bình quân của các nhóm hộ

Nhóm hộ	Trước thu hồi (m <sup>2</sup> /hộ)	Sau thu hồi (m <sup>2</sup> /hộ)	Chênh lệch (%)
Nhóm I	4.115	1.070	-74,28
Nhóm II	4.270	2.660	-36,67
BQ chung	4.193	1.865	-55,76

(Nguồn: số liệu điều tra năm 2016)

Kết quả điều tra cho thấy diện tích đất nông nghiệp của các nhóm hộ giảm đáng kể do bị thu hồi đất. Trong đó, nhóm 1 có đất bị thu hồi chiếm tới 74,28% diện tích của hộ, tương ứng mỗi hộ mất bình quân 3.045 m<sup>2</sup>, nhóm 2 giảm 36,67% và bình quân chung các nhóm hộ giảm hơn 50% tổng diện tích đất được giao (Bảng 2). Điều đó cho thấy phương tiện sinh kế quan trọng của hộ nông dân giảm xuống đáng kể sau thu hồi đất, đây thực sự là một cú sốc lớn đối với họ.

**Bảng 3.** Đánh giá chủ quan của hộ về nhu cầu đất sản xuất

Chỉ tiêu	Diện tích bình quân hộ đánh giá (m <sup>2</sup> /hộ)
Thừa đất sản xuất	> 6.240
Đủ đất sản xuất	2.560 – 5.250
Thiếu đất sản xuất	< 2.390

(Nguồn: số liệu điều tra năm 2016)

Đề tài tập trung vào khảo sát mong muốn của các hộ và đưa ra mức độ như thế nào là “thiếu” đất sản xuất, như thế nào là “đủ” đất sản xuất và như thế nào là “thừa” đất sản xuất. Tất cả các chỉ tiêu này đều lấy bình quân đánh giá chủ quan của hộ, kết quả được thể hiện rõ ở Bảng 3. Các hộ nông dân ở đây cho rằng, bình quân mỗi gia đình có bình quân trên 6.240 m<sup>2</sup> đất được xếp vào hộ “thừa đất sản xuất”, các hộ có từ 2.560 m<sup>2</sup> tới 5.250 m<sup>2</sup> được xếp hộ “đủ đất để sản xuất” và dưới 2.390 m<sup>2</sup> được xếp vào loại hộ “thiếu đất sản xuất”.

**Bảng 4.** Nhu cầu sử dụng đất nông nghiệp, lâm nghiệp sau khi thu hồi (ĐVT: %)

Nhóm hộ	Nhóm I	Nhóm II	BQ chung
Nhóm thừa đất sản xuất	0,00	6,70	3,35
Nhóm đủ đất sản xuất	26,70	60,00	43,35
Nhóm thiếu đất sản xuất	73,30	33,30	53,30

(Nguồn: số liệu điều tra năm 2016)

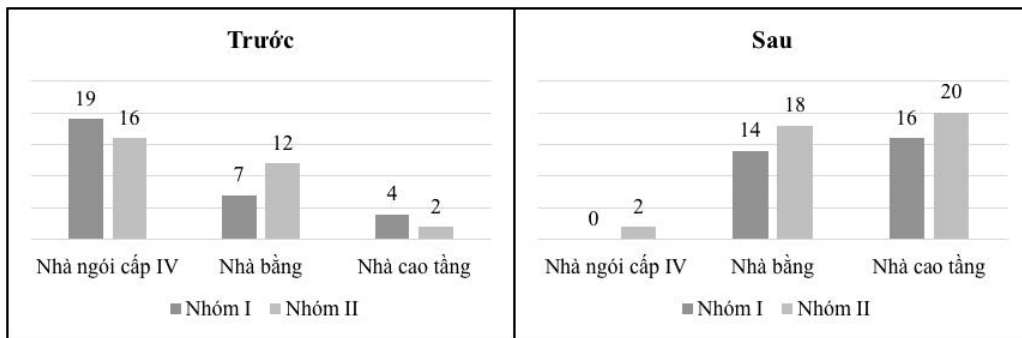
Sau khi thu hồi đất, có đến 53,3% số hộ điều tra cho rằng hiện tại họ thiếu đất sản xuất, đặc biệt là nhóm hộ I, với 73,3%. Tiếp theo, nhóm cho rằng đất còn lại là vừa đủ để sản xuất chiếm 43,3%, rất ít hộ cho rằng bản thân gia đình họ thừa đất sản xuất (Bảng 4). Cụ thể, đối với nhóm I, do họ bị mất đất quá nhiều nên đa số hộ cho rằng họ thiếu đất sản xuất, các hộ còn lại có ý kiến là vừa đủ. Đối với nhóm II, hầu hết hộ cho rằng diện tích đất còn lại là

đủ để canh tác với 60% hộ, 33,3% cho rằng họ vẫn cần thêm đất cho sản xuất và chỉ 6,6% hộ nói họ dư đất sản xuất.

Hiện tại, trên địa bàn xã còn rất ít quỹ đất dự trữ để bồi thường, nên khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện các dự án thì phương thức bồi thường được thực hiện nhiều nhất là bồi thường bằng tiền. Như vậy, nguồn vốn tự nhiên (đất đai) được chuyển thành nguồn vốn tài chính. Trước đây, đất đai là phương tiện tạo sinh kế quan trọng của hộ nông dân, bây giờ chuyển thành một khoản tiền. Để đảm bảo sinh kế lâu dài, nguồn vốn này phải được hộ dân sử dụng vào mục đích đầu tư sản xuất tạo nguồn thu nhập hoặc học nghề để chuyển đổi nghề nghiệp (vốn con người). Còn nếu sử dụng số tiền này vào mục đích xây dựng nhà cửa, mua sắm tài sản (vốn vật chất) và các mục đích khác thì sinh kế của người dân về lâu dài sẽ khó khăn. Khi sinh kế khó khăn họ sẽ bị hạn chế trong việc học hành, khám chữa bệnh, tiếp cận thông tin... Tức là khi đất nông nghiệp của người nông dân bị thu hồi, họ có thể còn bị mất đi cơ hội để phát triển bản thân, gia đình cũng như tiếp cận xã hội.

#### 3.2.4. Nguồn vốn vật chất

Với đa số các hộ gia đình nông thôn, nhà ở không những là tài sản quan trọng mà còn là nguồn vốn vật chất lớn nhất của họ. Sau khi thu hồi đất trong mỗi hộ đều nhận được một khoản đền bù tương đối lớn, gần 1 tỷ đồng. Chính vì có một khoản tiền như vậy nên đa phần các hộ đã dùng một phần số tiền lớn được đền bù của mình để sửa sang, xây mới nhà cửa và xây nhà trọ cho thuê.



**Hình 8.** Sự thay đổi về nhà cửa của nhóm hộ trước và sau thu hồi đất (ĐVT: hộ)

(Nguồn: số liệu điều tra năm 2016)

Bảng điều tra cho thấy sau khi tiến hành thu hồi đất điều kiện nhà của hộ được cải thiện rõ rệt. Số nhà cấp IV giảm mạnh thay vào đó là nhà mái bằng và nhà tầng với trang thiết bị đẹp, hiện đại hơn. Tỷ lệ nhà ngói cấp IV còn lại rất ít, trước khi thu hồi tỷ lệ nhà ngói chiếm 63,3% ở nhóm I, 53,3% ở nhóm II, nhưng sau khi thu hồi không có hộ nào có nhà cấp IV (nhóm I) và chỉ 6,7% ở nhóm II (Hình 8). Tỷ lệ hộ có nhà cao tầng (từ 2 tầng trở lên) tăng lên rõ rệt đặc biệt ở nhóm hộ I, với 16/30 hộ, nguyên nhân chính bởi vì các hộ này có diện tích bị thu hồi nhiều dẫn tới số tiền đền bù lớn.

Kết quả từ phỏng vấn hộ cho thấy rằng sau khi đất bị thu hồi, các tài sản phục vụ cho đời sống của hộ như xe máy, ti vi, điện thoại,... tăng mạnh về số lượng. Tính đến cuối năm 2015, 100% số hộ có ti vi, 100% số hộ đã có xe máy (Bảng 5). Ngược lại với xu thế tăng của các vật dụng trong gia đình thì các vật dụng phục vụ sản xuất giảm mạnh. Cụ thể, nhóm I không còn chiếc công nông nào nữa, số lượng trâu bò giảm tới 94%, con số này ở nhóm II là



92%. Điều này có thể lý giải một cách đơn giản là do mất đất sản xuất nông nghiệp nên lượng công cụ, các thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp cũng sẽ hạn chế lại.

**Bảng 5.** Biến động cơ sở vật chất của nhóm hộ điều tra

Tiêu chí	Loại	ĐVT	Nhóm I			Nhóm II		
			Trước	Sau	chênh lệch (%)	Trước	Sau	chênh lệch (%)
1. Vật dụng phục vụ sản xuất	Máy bơm nước	cái	30	30	0	30	30	0
	Bình phun thuốc	cái	30	15	-50	25	17	-32
	Máy công nông	cái	3	0	-300	1	0	-100
	Trâu bò	con	30	2	-94	25	2	-92
2. Vật dụng trong gia đình	Ô tô	cái	2	7	350	1	3	300
	Xe máy	cái	32	74	231	30	62	207
	Ti vi	cái	30	35	117	30	33	110
	Tủ lạnh	cái	20	33	165	16	31	194
	Bếp ga	cái	30	30	0	30	30	0
	Điện thoại	cái	50	102	204	40	80	200
	Nhà trọ	hộ	10	30	300	7	18	257

(Nguồn: số liệu điều tra năm 2016)

Như vậy, có sự luân chuyển từ nguồn vốn tài chính sang nguồn vốn vật chất, tuy nhiên, nguồn vốn vật chất này đa số là phương tiện sinh hoạt mà không phải là phương tiện sản xuất. Về nguồn vốn vật chất dùng chung cả cộng đồng như hệ thống đường giao thông, cấp nước, cấp điện, hệ thống trường học và cơ sở khám chữa bệnh có sự chuyển biến đáng kể sau thu hồi đất, tạo điều kiện cho người dân tiếp cận thuận lợi và hiệu quả hơn trong các hoạt động sản xuất, trao đổi hàng hóa, cải thiện điều kiện giao lưu với môi trường bên ngoài.

### 3.2.5. Nguồn vốn tài chính

Nguồn tài chính đầu tiên phải kể đến của hộ nông dân sau khi bị thu hồi đất là khoản tiền đền bù. Số tiền đền bù bao gồm tiền đền bù đất, tiền hỗ trợ học nghề, tiền hỗ trợ ổn định đời sống. Số tiền đền bù bình quân 1 hộ được nhận là 925 triệu đồng, hộ nhiều nhất nhận được 16,09 tỷ đồng, hộ thấp nhất nhận được 231,672 triệu đồng. Đây là số tiền không nhỏ với một hộ nông dân, khi mà thu nhập từ sản xuất nông nghiệp khi chưa mất đất trong một năm chỉ đạt xấp xỉ 62 triệu đồng/hộ.

**Bảng 6.** Sự thay đổi về thu nhập của hộ trước và sau khi thu hồi đất

Chỉ tiêu	Trước khi thu hồi			Sau khi thu hồi			
	Nhóm I	Nhóm II	BQ	Nhóm I	Nhóm II	BQ	
Tổng thu nhập (triệu đồng/hộ/năm)	77,4	60,6	69,0	247,0	211,4	229,2	
BQ thu nhập trên lao động (triệu đồng/LĐ/năm)	13,82	10,8	12,31	44,1	35,75	39,92	
Cơ cấu thu nhập của hộ (%)	Nông nghiệp	64,3	59,9	62,1	14,0	31,6	22,80
	Ngành nghề	6,1	5,8	5,95	30,1	20,1	25,1
	Dịch vụ	18,0	19,1	18,55	27,2	23,0	25,10
	Tiền tiết kiệm	2,2	3,4	2,8	12,6	9,8	11,2
	Xuất khẩu	7,4	8,1	7,75	11,4	12,5	11,95
	Khác	2,0	3,7	2,85	4,7	3,0	3,85

(Nguồn: số liệu điều tra năm 2016)

Để nhận thấy, trước khi mất đất thu nhập bình quân của các hộ không cao, chỉ khoảng 69 triệu đồng/hộ/năm, trong đó thu từ nông nghiệp chiếm tỷ trọng lớn, 64,3% ở nhóm I và 62,1% ở nhóm II (xem bảng 6). Sau khi thu hồi đất, có 2 xu hướng thay đổi trong

thu nhập của hộ. Một là, bình quân tổng thu nhập tăng mạnh, đạt gần 250 triệu/hộ/năm ở nhóm I và 211 triệu ở nhóm II. Điều này dẫn đến, thu nhập bình quân trên một lao động cũng tăng mạnh, bình quân là gần 40 triệu/năm/lao động. Điều này không chứng minh được nguyên nhân dẫn tới tổng thu nhập tăng là do hộ tự kiếm được hay do hộ nhận được số tiền đền bù tính vào tổng thu nhập. Do đó, nghiên cứu xem xét khía cạnh thứ hai trong chỉ tiêu này, đó là cơ cấu thu nhập, có thể thấy rõ, cơ cấu thu nhập của hộ có sự chuyển dịch lớn. Cụ thể, thu nhập từ nông nghiệp giảm từ 62,1% xuống 22,8% sau khi đất bị thu hồi, trong đó, nhóm I có xu hướng giảm mạnh nhất từ 64,3% xuống còn 14%. Ngược lại, tổng thu từ dịch vụ và các ngành nghề có xu hướng tăng mạnh, chiếm hơn 50% tỷ trọng trong cơ cấu thu nhập. Ngoài ra, nguồn thu từ xuất khẩu lao động và tiền gửi tiết kiệm cũng tăng lên đáng kể, bình quân đạt 11% tổng thu nhập. Như vậy, có thể khẳng định, tổng thu nhập tăng lên không hoàn toàn là do tiền bù, nhưng nó có tác động lớn bởi vì hộ sử dụng số tiền đó để đầu tư cho kinh doanh, dịch vụ đem lại lợi nhuận cao hơn so với trước đó chỉ là sản xuất nông nghiệp.

### 3.3. Chiến lược sinh kế của hộ để thích nghi với cuộc sống sau khi bị thu hồi đất

Từ việc nghiên cứu các nguồn vốn sinh kế của các hộ nông dân sau khi bị thu hồi đất ta thấy, mặc dù mất đi tài sản sinh kế lớn là đất đai nhưng có nhiều hộ đã thích nghi được với cuộc sống mới. Có hộ tận dụng cơ hội để phát triển ngành nghề, công việc buôn bán hay các dịch vụ khác. Cũng không ít hộ trả lời rằng khả năng kiếm sống của họ khó khăn hơn, thu nhập giảm.

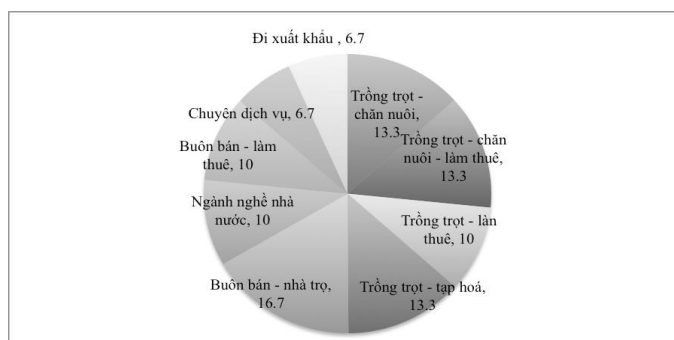
**Bảng 7.** Đánh giá của hộ về sự thay đổi thu nhập và khả năng kiếm sống sau khi bị thu hồi đất (ĐVT: %)

Chỉ tiêu		Nhóm I	Nhóm II	BQ chung
Thay đổi thu nhập	tăng	56,7	60,0	58,35
	không thay đổi	26,7	26,7	26,7
	giảm	16,6	13,3	14,95
Khả năng kiếm sống	dễ hơn	43,3	36,7	40,0
	không thay đổi	26,7	33,2	29,45
	khó hơn	30,0	30,1	30,05

(Nguồn: số liệu điều tra năm 2016)

Theo điều tra cho thấy: 58,35% các hộ cho rằng sau khi thu hồi đất thu nhập của họ có xu hướng tăng lên, trong khi đó 14,95% các hộ đánh giá là giảm và số hộ còn lại cho rằng thu nhập không thay đổi. Cụ thể, nhóm II có 60% số hộ đánh giá thu nhập có tăng vì nhóm này có lợi thế là họ vừa có tiền đền bù để đầu tư sản xuất kinh doanh vừa có đất để tiếp tục sản xuất, nhóm I có 56,7% số hộ có thu nhập tăng so với trước thu hồi đất. Ngoài ra có 43,3% số hộ ở nhóm I và 36,7% số hộ ở nhóm II cho rằng khả năng kiếm sống sau khi thu hồi đất là dễ dàng hơn (Bảng 7). Ngoài ra có khoảng 30% số hộ ở cả 2 đều cho rằng khả năng kiếm sống sau khi thu hồi đất là vất vả hơn. Việc các hộ có thể tạo ra thu nhập cao hay không phụ vào rất nhiều yếu tố mà trong đó phải kể đến là trình độ lao động, độ tuổi lao động, trình độ chuyên môn, khả năng nắm bắt thông tin về thị trường, mức độ nhạy bén trong cuộc sống của các hộ dân.

Khi thu hồi đất để xây dựng khu du lịch FLC phục vụ phát triển kinh tế đã làm tăng cơ hội tiếp cận nguồn vốn xã hội, điều kiện phát triển con người và tạo việc làm cho người dân. Tuy nhiên, chiến lược sinh kế của các nhóm hộ mới chỉ ở mức thích nghi tạm thời, mang tính chất ngắn hạn chứ chưa có xu hướng lâu dài.



**Hình 9.** Các mô hình sinh kế của hộ nông dân sau khi thu hồi đất (ĐVT: %)

(Nguồn: số liệu điều tra năm 2016)

Một số kết quả khảo sát cho thấy, sau khi thu hồi đất các lao động chuyển đổi nghề nghiệp nhiều dẫn đến có nhiều mô hình sinh kế khác nhau. Bình quân chung, mô hình trồng trọt - chăn nuôi vẫn được các hộ duy trì, với 13,3% (xem hình 9). Trong khi đó, mô hình cho thuê nhà trọ - buôn bán là mô hình tương đối mới nhưng chiếm tỷ lệ cao nhất, với gần 17%. Sau khi có khoản tiền bồi thường người dân đã mạnh dạn đầu tư xây dựng thêm khu nhà phục vụ, kinh doanh buôn bán. Một số hộ cũng đã đầu tư cho con cái và thành viên trong gia đình đi xuất khẩu lao động mang lại thu nhập cao cho gia đình.

Dựa vào các kết quả phân tích sự thay đổi sinh kế cũng như chiến lược phát triển của hộ, nghiên cứu đưa ra một số gợi ý cho từng nhóm hộ. Cụ thể, Đối với nhóm I, do không còn hoặc còn rất ít đất sản xuất, vì thế với số tiền đền bù lớn, hộ cần phải sử dụng có hiệu quả như đầu tư cho giáo dục, học nghề, xây dựng nhà trọ, đầu tư buôn bán hoặc bất động sản. Đối với nhóm II, nhóm hộ này nên tiếp tục đầu tư phát triển trồng trọt trên diện tích đất còn lại theo hướng sản xuất hàng hoá, có thể kết hợp chăn nuôi với trồng trọt, những hộ có vị trí thuận lợi, gần khu du lịch, nên mở dịch vụ nhà hàng, du lịch.

#### 4. KẾT LUẬN

Như vậy, sau khi thu hồi đất sinh kế của hộ có sự dịch chuyển theo hướng giảm thu nhập và lao động ở nhóm nông nghiệp, tăng tỷ trọng trong các ngành phi nông nghiệp. Thêm vào đó, có đến 53,3% số hộ điều tra cho rằng hiện tại họ thiếu đất sản xuất, đặc biệt là nhóm hộ bị mất đất nhiều với 73,3%. Thực trạng cho thấy nguồn vốn tự nhiên (đất đai) đã chuyển thành nguồn vốn tài chính do hình thức đền bù chủ yếu là tiền mặt, sau đó, lại chuyển từ nguồn vốn tài chính sang nguồn vốn vật chất, bởi vì đa số hộ đầu tư và mua sắm các thiết bị, phương tiện. Tuy nhiên, điều đáng lưu ý là, hầu hết các phương tiện đó phục vụ sinh hoạt chứ không phải là phục vụ cho sản xuất. Tức là, nguồn vốn tài sản cá nhân có sự tăng lên đáng kể, tuy nhiên, nó không khẳng định mức sống người dân được cải thiện tích cực do tác động của việc thu hồi đất và có thể sinh kế của người dân về lâu dài sẽ gặp khó khăn ví dụ như hạn chế trong việc học hành, khám chữa bệnh, tiếp cận thông tin... Để cải thiện các vấn đề trên, đề tài cũng đưa ra một số đề xuất cụ thể đối với từng nhóm đối tượng nhằm ổn định cuộc sống sau khi bị mất đất và có định hướng phát triển sinh kế lâu dài và bền vững hơn.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

##### 1. Tài liệu Tiếng Việt

Lê Thanh Bồn. (2009). *Bài giảng khoa học đất*. Trường Đại học Nông Lâm Huế.

- Huỳnh Văn Chương, & Ngô Hữu Hoành. (2010). Ảnh hưởng của việc chuyển đổi đất nông nghiệp sang đất phi nông nghiệp đến sinh kế của người nông dân bị thu hồi đất tại thành phố Hội An, tỉnh Quảng Nam. *Tạp chí khoa học Đại học Huế, số 62A, 2010.*
- Đỗ Mai Thành. (2011). *Vấn đề nông nghiệp, nông thôn, nông dân Việt Nam: Lý luận và thực tiễn.* Đăng tại kỷ yếu hội thảo – văn kiện đại hội XI của Đảng, Hà Nội, 2011. Khai thác từ <http://dangcongsan.vn/tu-lieu-van-kien/tu-lieu-ve-dang/sach-chinh-tri/books-0105201511342446/index-510520151133234659.html>
- Nguyễn Hữu Tiến. (4/7/2007). Về vấn đề chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông nghiệp trong quá trình công nghiệp hoá, đô thị hoá. *Tạp chí Cộng sản.* Khai thác từ <http://www.tapchiconsan.org.vn/Home/Nghiencuu-Traodoi/2007/273/Ve-van-de-chuyen-doi-muc-dich-su-dung-dat-nong-nghiep.aspx>
- UBND tỉnh Quảng Bình. (2017). *Nghị quyết số 19/QB/2017.*
- UBND xã Hải Ninh. (2016). *Báo cáo kinh tế - xã hội xã Hải Ninh năm 2016.*
- 2. Tài liệu tiếng nước ngoài**
- DFID. (1999). *Sustainable livelihoods guidance sheets.*
- Frank Ellis. (2000). *Rural Livelihoods and Diversity in Developing Countries.* Oxford Publisher.

**THE EFFECTS OF LAND ACQUISITION FOR ECOTOURISM  
DEVELOPMENT ON LIVELIHOOD OF COASTAL HOUSEHOLDS:  
A CASE STUDY IN HAI NINH COMMUNE, QUANG NINH DISTRICT,  
QUANG BINH PROVINCE, VIETNAM**

**Phan Thuc Dinh<sup>1</sup>, Nguyen Quang Tan<sup>2</sup>**

<sup>1</sup>Master student of Hue University – University of Agriculture and Forestry;

<sup>2</sup>Master student of Okayama University, Japan.

Contact email: [quangtankn43@gmail.com](mailto:quangtankn43@gmail.com)

**ABSTRACT**

In recent years, agricultural land acquisition policy of Vietnamese state for tourism development has greatly affected on the livelihoods of local people. This study aims to understand the land acquisition process, analyze the changes in livelihoods after land acquisition as well propose some solutions for sustainable livelihoods of local people in Hai Ninh commune. 60 households were surveyed by using participatory rural appraisal (PRA) method. The results show that the number of households affected by land acquisition accounts for 9.1% in the study site with 56% land loss each household in average. Household's livelihood capitals were impacted obviously. Labor and income structure show a tendency to be shifted from agriculture to non-agriculture. Additionally, natural capitals (land) have been transformed into financial capitals, then, from financial capitals converted to physical capitals. Moreover, average income increases, reaching at 40 million VND/labor/year, 3 times higher than before the land acquisition. The study has also pointed out that it was very necessary to provide specific solutions for each target group on employment as well as the effective use of compensatory funds to develop sustainable livelihoods.

**Key words:** tourism development, livelihoods, land acquisition, income, employment.

*Received:* 20<sup>th</sup> April 2018

*Reviewed:* 20<sup>th</sup> May 2018

*Accepted:* 30<sup>th</sup> May 2018